

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02/04/2026
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Vân Anh

2. Bà Đào Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Huyền My - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Anh Bùi Thành N, sinh năm 1979.

Đều ĐKTT: Tổ 4A, khu S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường T, tỉnh Phú Thọ).

(Chị H, anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thành N1 đăng ký kết hôn ngày 29/02/2004 tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND phường T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N1 và chị bất đồng quan điểm sống, anh N1 không chịu khó làm ăn, gánh nặng kinh tế gia đình một mình chị gánh vác, anh

N1 còn hay rượu chè về nhà đánh chửi vợ con, chị H đã nhẫn nhịn nhiều lần vì thương con và cũng là để cho anh N1 cơ hội nhưng anh N1 không thay đổi. Cuối năm 2004, chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N1 nhưng sau đó được Tòa án hòa giải phân tích và cũng vì thương con, thời điểm đó cháu H1 là con thứ hai đang ở năm cuối cấp ba, đang chuẩn bị thi đại học nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau một năm, tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N1.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 10/9/2004, cháu Bùi Thiện H1, sinh ngày 14/11/2007 và cháu Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 08/7/2021. Ly hôn chị H đề nghị như sau: Hiện nay cháu H1, cháu Đ đã đủ tuổi thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng khi ly hôn, đối với cháu Á chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Á chị H không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Thành N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N thừa nhận việc vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và kết hôn như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xô sát, đánh cãi chửi nhau nhưng sau đó vợ chồng cũng hòa giải và chung sống cho đến nay. Nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn, quan điểm của anh N là vợ chồng đã chung sống nhiều năm, con cái cũng đã lớn, để không ảnh hưởng đến tương lai của con cái sau này nên anh N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 10/9/2004, cháu Bùi Thiện H1, sinh ngày 14/11/2007 và cháu Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 08/7/2021. Nếu phải ly hôn thì đối với cháu H1, cháu Đ đã đủ tuổi thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng khi ly hôn. Đối với cháu Á, nếu nguyện vọng của chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Á anh N cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh Bùi Thành N xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, thừa nhận hơn 05 tháng nay kể từ khi chị H nộp đơn ly hôn cho Tòa án, anh N có thay đổi tích cực hơn trước,

anh N quan tâm đến gia đình hơn, không còn chửi bới nặng lời với chị, hàng tháng anh N đi làm cũng có đưa tiền cho chị để thêm vào nuôi con và chăm lo cho gia đình, tuy nhiên chị không còn niềm tin rằng anh N sẽ thay đổi hoàn toàn nên chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Thành N.

Bị đơn anh Bùi Thành N không đồng ý ly hôn với chị H, anh N cho rằng vợ chồng trước đây có đôi lúc cãi vã xô sát nhưng cũng là chuyện thường của nhiều gia đình, sau đó vợ chồng đã giải quyết mâu thuẫn và tiếp tục chung sống hoà thuận. Chị H nói vợ chồng mâu thuẫn âm ỉ kéo dài là không đúng vì nếu vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng thì không thể chung sống cùng nhau một nhà, cùng chăm lo cho con cái, anh N vẫn giúp đỡ chị H trong việc kinh doanh hàng ngày, bản thân anh rất yêu thương chị H, trân trọng gia đình nên đã nỗ lực thay đổi tìm thêm việc làm kiếm thêm thu nhập, quan tâm chăm sóc chị H và các con nhiều hơn do đó anh N đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để gia đình anh được đoàn tụ.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị HĐXX, căn cứ Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX: Không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Bùi Thành N.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ giải quyết được ly hôn anh Bùi Thành N. Anh Bùi Thành N cư trú tại tổ 4A, khu S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Nay là phường T, tỉnh Phú Thọ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại BLTTDS và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Các đương sự đã được tiếp cận công khai các tài liệu chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/02/2004 tại UBND phường T, TP V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ) nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N là hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N và chị bất đồng quan điểm sống, anh N không chịu khó làm ăn, gánh nặng kinh tế gia đình một mình chị gánh vác, anh N còn hay rượu chè về nhà đánh chửi vợ con, chị H đã nhẫn nhịn nhiều lần vì thương con và cũng là để cho anh N cơ hội nhưng anh N không thay đổi. Cuối năm 2024 chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N nhưng sau đó được Tòa án hòa giải phân tích và cũng vì thương con, thời điểm đó cháu H1 là con thứ hai đang ở năm cuối cấp ba, đang chuẩn bị thi đại học nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau một năm, tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Anh N cho rằng vợ chồng trước đây có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ không phải mâu thuẫn âm ỉ kéo dài vì sau đó vợ chồng đều hòa giải và chung sống cho đến nay, anh N vẫn rất yêu thương chị H, yêu gia đình nên anh đã cố gắng thay đổi chia sẻ nhiều hơn với chị H trong công việc, tìm thêm việc làm để đỡ đần chị H nuôi dưỡng các con ăn học. Anh N tha thiết xin đoàn tụ để vợ chồng cùng chung sống nuôi dạy các con nên người.

Toà án đã xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh N tại Sông T, phường T nơi anh N chị H sinh sống và được trưởng khu S, phường T cung cấp: Thời gian từ tháng 3/2025 đến nay khu dân cư chưa tiếp nhận thông tin về việc vợ chồng chị H anh N mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau mà khu dân cư phải can thiệp hòa giải.

Bà Nguyễn Thị H2 là mẹ chồng chị H, mẹ đẻ anh N cũng trình bày: Sau khi chị H anh N kết hôn ở cùng bà, những năm trước đây vợ chồng có mâu thuẫn, thỉnh thoảng có đánh cãi chửi nhau nguyên nhân theo bà H2 là do vợ chồng làm chung nhau nên bất đồng và thời điểm đó vợ chồng có khó khăn về kinh tế nhưng gần đây vợ chồng không cãi nhau nữa.

Bà Nguyễn Thị T là hàng xóm sát nhà chị H anh N cũng trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng chị H anh N thỉnh thoảng có đánh cãi chửi nhau nhưng gần đây không thấy vợ chồng đánh cãi chửi nhau nữa.

Lời khai của bà H2, bà T phù hợp với xác minh tại khu dân cư và trình bày của anh N, chị H tại phiên toà hôm nay, HĐXX có căn cứ xác định: Mặc dù vợ chồng anh N chị H có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như chị H trình bày vì vợ chồng anh chị vẫn sống chung nhà, vẫn cùng chăm lo cho con cái hơn nữa anh N hơn 05 tháng nay cũng đã nỗ lực thay đổi để cải thiện tình cảm vợ chồng, điều này bản thân chị H cũng đã thừa nhận tại phiên toà. Nên HĐXX xét thấy việc anh N tha thiết xin đoàn tụ là thực tâm và cần cho anh N thêm thời gian để vợ chồng anh N chị H bồi dưỡng, hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Thành N của chị Nguyễn Thị H.

Do yêu cầu xin ly hôn của chị H không được chấp nhận nên HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu được ly hôn anh Bùi Thành N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0004090 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Trang